

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DUỖN HẢI  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12-8-2020

V/v: Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DI, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Nước

Bà Nguyễn Thị Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thạch Rine – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Di, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Trương Thanh Hà, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L sinh năm 1974. Có mặt

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Huệ S, xã Long Đ, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: khóm A, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

*Bị đơn:* Ông Phan văn Q, sinh năm 1972. Có đơn xét xử vắng mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Huệ S, xã Long Đ, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: khóm A, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn trình bày:* Bà với ông Phan văn Q tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1989 không có đăng ký kết hôn. Sau khi xác lập quan hệ hôn nhân vợ chồng bà sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, dẫn đến vợ chồng bà sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay. Nay bà xét thấy không còn tình cảm với ông Q, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu

tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, bà yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Phan Văn Q.

- Về con chung: Có 02 con tên Phan Văn T, sinh ngày 20-02-1990 và Phan Thị Kim N, sinh ngày 26-02-2001 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai khai ngày 21 tháng 7 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Văn Q trình bày:* Ông với bà L tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1989, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới ông bà ra riêng sống tự lập và sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay. Từ khi ly thân cho đến nay ông có gặp bà L ngồi lại để bàn bạc hàn gắn đăng ký kết hôn trở về tiếp tục chung sống nhưng không đạt được và ly thân đến nay. Nay ông không đồng ý ly hôn bà Nguyễn Thị L.

- Về con chung : Có 02 con tên Phan Văn T, sinh ngày 20-02-1990 và Phan Thị Kim N, sinh ngày 26-02-2001 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Về hôn nhân bà Nguyễn Thị L và ông Phan Văn Q đều thống nhất trình bày sống chung với nhau từ năm 1989 và thừa nhận hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm, không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng. Xét thấy hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Phan Văn Q không có đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy không công nhận bà L với ông Q là quan hệ vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn Phan Văn Q. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu của bà L là

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Phan văn Q có nơi cư trú khóm A, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh nên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phan Văn Q vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Phan văn Q tự nguyện xác lập hôn nhân, không có đăng ký kết hôn. Tại phiên hòa giải ngày 28/7/2020 Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên hai bên đoàn tụ về đăng ký kết hôn để chung sống với nhau, nhưng bà L trình bày không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và không đồng ý đoàn tụ. Vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..*” và “*Trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật này...*”. Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Phan văn Q là quan hệ vợ chồng.

[4] Về con chung: Các con đã trưởng thành bà Nguyễn Thị L và ông Phan văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Phan văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Phan văn Q.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành bà Nguyễn Thị L và ông Phan văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**3.**Về tài sản, nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Phan văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

**4.**Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001959 ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Di, tỉnh Trà Vinh, bà L đã nộp đủ án phí.

**5.** Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Trung**

